

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-PT
Ngày: 22-02-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng
đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tổng Văn Viên

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Giới

Ông Huỳnh Văn Hoàng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Huỳnh Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Nguyễn Thị Ái Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, tiến hành mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2018/TLPT-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2018 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2018/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 420A/2019/QĐ-PT ngày 28 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Dương Thị T, sinh năm 1965 (vắng mặt)

- Chị Lê Thị Mỹ D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

- Chị Lê Thị Mỹ Ch, sinh năm 1992 (vắng mặt)

- Anh Lê Minh G, sinh năm 1996 (vắng mặt)

- Anh Lê Tấn S, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bà Tạo, chị D, chị Châu, anh G, anh S có Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966, cùng địa chỉ: ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

- Bà Tôn Thị Tr, sinh năm 1960 (vắng mặt)
- Anh Trần Minh V, sinh năm 1980 (vắng mặt)
- Anh Trần Quốc V, sinh năm 1982 (vắng mặt)
- Chị Trần Thị Mộng Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)
- Anh Trần Quốc V, sinh năm 1992 (vắng mặt)
- Chị Phan Thị Kim Ng, sinh năm 1994 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho bà Tr, anh V, chị Th, anh V có Ông Trần Văn N sinh năm 1962, cùng địa chỉ: ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

4. Người kháng cáo: Ông Lê Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/10/2017 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn Ông Lê Văn Đ trình bày: Ông có thửa đất số 662 diện tích 2.446m², tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh đã được Ủy ban nhân dân huyện CT cấp quyền sử dụng năm 1998. Năm 2001 nhà nước làm kênh và đường bê tông đi ngang thửa đất của ông diện tích 2.098m² nhà nước đã bồi hoàn xong, diện tích còn lại khoảng hơn 500m² ông đang sử dụng nhưng Ông Trần Văn N chiếm dụng đất của ông 42m² đo đạc thực tế là 38m². Nay ông yêu cầu Ông Trần Văn N phải di dời nhà công trình kiến trúc trên phần đất này trả lại cho ông diện tích đo thực tế 38m² thuộc thửa đất 662 tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn Ông Trần Văn N trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp một phần thuộc thửa 670 của ông Mai Văn Huyện sang cho Ông N vào năm 2007 đến nay chưa làm thủ tục sang tên, một phần thuộc đường đất do nhà nước quản lý. Phần đất tranh chấp nhà nước đã bồi hoàn tiền cho Ông Đ nên không còn là đất của Ông Đ. Nay ông cất nhà cho con ở, nếu nhà nước lấy lại thì ông đồng ý trả, ông không đồng ý trả theo yêu cầu của Ông Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Vũ trình bày: Anh có cùng ý kiến với Ông N, anh không trình ý kiến bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166; 179; 203 luật Đất đai.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn Đ.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền

kháng cáo và thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/7/2018 nguyên đơn Ông Lê Văn Đ kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử buộc Ông Trần Văn N phải trả lại cho ông diện tích đo thực tế 38m² thuộc thửa đất 662 tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa, đất tọa lạc tại ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh:

Về thủ tục tố tụng: Trước phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán đã tiến hành tố tụng đúng qui định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định pháp luật về trình tự thủ tục tiến hành phiên tòa. Các đương sự điều thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo qui định pháp luật. Về nội dung:

Theo kết quả khảo sát đối với phần đất tranh chấp 38m² như Ông Đ đã xác định không thuộc diện tích của Ông Đ đã được UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vị trí đất tranh chấp này thuộc đường đất công cộng. Do đó, kháng cáo của Ông Đ là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ông Lê Văn Đ kháng cáo còn trong hạn luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về sự vắng mặt của bị đơn Ông Lê Văn Đ và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Minh Vũ, chị Phan Thị Kim Ngân đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Ông Lê Văn Đ cho rằng, phần đất tranh chấp diện tích 42m² thực đo 38m² mà hiện nay do hộ Ông Trần Văn N cất nhà ở là phần đất nằm trong tổng diện tích 2.446 thuộc thửa 662, tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại ấp BT, xã LH, huyện CT, tỉnh Trà Vinh đã được UBND huyện CT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 cho Ông Đ. Khi nhà nước thu hồi làm kênh vào năm 2001 còn dư lại được thể hiện trong trích lục thửa đất tranh chấp của UBND xã Long Hòa. Bị đơn cho rằng, phần đất tranh chấp diện tích 42m² thực đo 38m² là đất nằm trong phần đất Nhà nước đã thu hồi và Nhà nước đã bồi hoàn tiền cho Ông Đ nên không còn thuộc quyền sử dụng của Ông Đ, khi nào Nhà nước thu hồi thì ông trả lại cho Nhà nước không đồng ý trả cho Ông Đ.

[3] Theo văn bản thông tin địa chính ngày 19-10-2018 của UBND huyện CT, năm 2001 Nhà nước thu hồi đất để nâng cấp Đê Tả Hữu sông Cổ Chiên qua phần đất của Ông Đ đã được bồi hoàn chỉ thể hiện diện tích bị thiệt hại không thể hiện vị

trí, thửa đất (Bút lục 180). Ông Đ cũng không xác định được Nhà nước thu hồi diện tích bao nhiêu, còn lại diện tích bao nhiêu mà ông chỉ khẳng định phần đất tranh chấp diện tích 38m² không nằm trong phần đất Nhà nước đã thu hồi.

[4] Theo kết quả đo đạc của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện CT thể hiện vị trí đất tranh chấp diện tích 38m² là thuộc đường đất. Thực tế hiện nay, đường đất này các hộ dân đã xây nhà ở và sử dụng đường đal cấp đường đất này để đi. Do đường đất thuộc sự quản lý của Nhà nước nên việc các hộ dân xây nhà ở trong đó có hộ Ông N là trái phép, chưa được sự chấp nhận của UBND xã Long Hòa (Bút lục 63). Khi đó phần đất tranh chấp này từ khi Nhà nước thu hồi đến nay Ông Đ không có sử dụng và hộ Ông N xây nhà nhưng phía Ông Đ cũng không có ngăn cản gì. Thực tế, trong trích lục bản đồ vị trí giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp năm 1998 có thể hiện đường lộ đất công cộng nhưng chỉ công nhận phần đất diện tích 2.446m² không có công nhận đường lộ đất cho hộ Ông Đ, do đó phần đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của Ông Đ nên án sơ thẩm bác yêu cầu của Ông Đ là có căn cứ.

[5] Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát bác yêu cầu kháng cáo của Ông Lê Văn Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Ông Lê Văn Đ phải chịu chi phí thẩm định và án phí dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; 157 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166; 179; 203 luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Lê Văn Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 27/2018/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CT.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Lê Văn Đ.

3. Về chi phí thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm: Buộc Ông Lê Văn Đ phải chịu 2.787.777 đồng. Được trừ vào số tiền Ông Đ đã nộp tạm ứng xong, không phải nộp tiếp.

Về chi phí thẩm định, định giá tại cấp phúc thẩm: Buộc Ông Lê Văn Đ phải chịu 790.000 đồng. Được trừ vào số tiền Ông Đ đã nộp tạm ứng xong, không phải nộp tiếp.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Ông Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Ông Đ nộp 1.050.000 đồng theo biên

lai số 0013570 ngày 06/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, số tiền còn lại 750.000 đồng Ông Đ được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Ông Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng, số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà Ông Đ nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0018234 ngày 23/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS,TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Văn Viên